

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



HỒ SỸ THUẦN

**PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH,
QUA THỰC TIỄN Ở TỈNH GIA LAI**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Hồ Thị Vân Anh**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn.....	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	5
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận văn	5
7. Kết cấu của luận văn	5
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH	6
1.1. Khái quát về đăng ký kinh doanh.....	6
1.1.1. Khái niệm đăng ký kinh doanh	6
1.1.2. Đặc điểm của đăng ký kinh doanh	6
1.1.3. Ý nghĩa của hoạt động đăng ký kinh doanh.....	6
1.2. Khái quát pháp luật về đăng ký kinh doanh	7
1.2.1. Khái niệm pháp luật về đăng ký kinh doanh.....	7
1.2.2. Nguyên tắc của pháp luật về đăng ký kinh doanh	7
1.2.3. Cấu trúc của pháp luật về đăng ký kinh doanh	7
1.4. Các yếu tố tác động đến hiệu quả thực hiện pháp luật đăng ký kinh doanh... 8	8
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI TỈNH GIA LAI.	9
2.1. Thực trạng pháp luật về đăng ký kinh doanh	9
2.1.1. Quy định về chủ thể đăng ký kinh doanh.....	9
2.1.2. Quy định pháp luật về hồ sơ đăng ký kinh doanh.....	10
2.1.3. Quy định về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh	12
2.1.4. Đánh giá thực trạng pháp luật về đăng ký doanh nghiệp.....	14
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về đăng ký kinh doanh ở tỉnh Gia Lai .	16
2.2.1. Tình hình đăng ký kinh doanh ở Gia Lai trong những năm gần đây.....	16
2.2.2. Những hạn chế, bất cập và nguyên nhân.....	17
CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH	19
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về đăng ký kinh doanh.....	19
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về đăng ký kinh doanh.....	20
3.2.1. Hoàn thiện pháp luật về chủ thể kinh doanh.....	20
3.2.2. Hoàn thiện pháp luật về ngành nghề kinh doanh cho doanh nghiệp	20
3.2.3. Hoàn thiện pháp luật về trụ sở kinh doanh của doanh nghiệp.....	21
3.2.4. Hoàn thiện công tác công khai, minh bạch hóa thông tin về thủ tục đăng ký kinh doanh	21
3.2.5. Hoàn thiện quy định pháp luật về kiểm soát Nhà nước đối với hoạt động cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	22

3.2.6. Hoàn thiện quy định quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” 22

3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về đăng ký kinh doanh tại tỉnh Gia Lai..... 22

3.3.1. Tăng cường đội ngũ nhân sự đáp ứng đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng..... 22

3.3.2. Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin đăng ký kinh doanh 23

3.3.3. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật và hỗ trợ tư vấn đối với doanh nghiệp khi đăng ký kinh doanh 23

3.3.4. Tăng cường công tác hậu kiểm 23

TÀI LIỆU THAM KHẢO

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

DN	Doanh nghiệp
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
BLDS	Bộ luật Dân sự
QPPL	Quy phạm pháp luật

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong xu thế hội nhập, phát triển nền kinh tế thị trường của Việt Nam hiện nay, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều có quyền tự do kinh doanh và bình đẳng trước pháp luật. Quyền tự do kinh doanh và bình đẳng của các doanh nghiệp chỉ thực sự được bảo đảm trên cơ sở một hệ thống pháp luật hoàn thiện, mà trước hết là hệ thống pháp luật về tổ chức doanh nghiệp. Trong những năm gần đây, các văn bản pháp luật về doanh nghiệp ngày càng được gia tăng nhanh chóng cả về số lượng và hình thức văn bản.

Tuy nhiên chất lượng của các văn bản này nhiều khi còn khác nhau. Với quan điểm xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, những năm gần đây Nhà nước ta rất quan tâm xây dựng và hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp, trong đó đáng chú ý là pháp luật về đăng ký kinh doanh. Đăng ký kinh doanh là thủ tục bắt buộc đầu tiên nhằm khai sinh ra doanh nghiệp, hộ kinh doanh hay hợp tác xã. Theo xu thế phát triển của thời đại, xu thế quốc tế hóa các hoạt động kinh doanh và nhu cầu giao dịch thương mại quốc tế đòi hỏi cần phải có một hệ thống đăng ký kinh doanh hoàn chỉnh. Nhận thức được vấn đề đó nên những năm qua Đảng và Nhà nước ta đã không ngừng cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh để ngày càng kiện toàn hơn pháp luật về vấn đề này.

Tìm hiểu về trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh để thấy được những thành tựu đã đạt được cũng như những bất cập, hạn chế còn tồn tại để kiến nghị những giải pháp nhằm hoàn thiện vấn đề này là một việc làm cần thiết.

Từ những cơ sở lý luận và thực tiễn ở trên, tác giả lựa chọn đề tài “**Pháp luật về đăng ký kinh doanh, qua thực tiễn ở tỉnh Gia Lai**” thực hiện trong khuôn khổ Luận văn thạc sỹ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Hoạt động ĐKKD là một hoạt động phổ biến và được thực hiện ở hầu hết các quốc gia. Do đó, việc nghiên cứu những quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh đã thu hút nhiều học giả, các nhà nghiên cứu trên thế giới nghiên cứu về vấn đề này để nhằm cải thiện môi trường kinh doanh với những quy trình, thủ tục đơn giản, linh hoạt hơn. Trên cơ sở đó, học viên đã lựa chọn một số các công trình nghiên cứu tiêu biểu ở các nước dẫn đầu về chỉ số môi trường kinh doanh hay các nước hợp tác toàn diện, cùng khu vực có điều kiện kinh tế đồng đều để giúp Việt Nam học hỏi, tham khảo kinh nghiệm và hoàn thiện pháp luật về đăng ký kinh doanh, điển hình như:

- Nguyễn Hồng Thảo (2018), "Pháp luật về đăng ký kinh doanh và giải pháp nâng cao hiệu quả đăng ký kinh doanh tại Việt Nam", Luận văn Thạc sỹ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội. Nội dung luận văn tập trung vào việc phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả của việc đăng ký kinh doanh tại Việt Nam. Luận văn bao gồm các phần như: tình hình và thực trạng đăng ký kinh doanh tại Việt Nam; pháp luật về đăng ký kinh doanh tại Việt Nam; những hạn chế và khó khăn trong việc đăng ký kinh doanh tại Việt Nam; và giải pháp để nâng cao hiệu quả đăng ký kinh doanh.

Trần Ngọc Tú (2019), "Đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử tại Việt Nam: Vấn đề và giải pháp", Luận văn Thạc sỹ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Luận văn tập trung vào việc phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp để cải thiện quá trình đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử tại Việt Nam. Luận văn bao gồm các phần như: tình hình và thực trạng đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử tại Việt Nam; pháp luật về đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử tại Việt Nam; những hạn chế và khó khăn trong quá trình đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực này; và giải pháp để nâng cao hiệu quả đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử.

Lê Thế Phúc (2018), "Đăng ký kinh doanh theo Luật doanh nghiệp Việt Nam - Thực trạng và một vài kiến nghị", Luận văn Thạc sỹ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia. Luận văn đã làm sáng tỏ cơ sở lý luận của hoạt động ĐKKD, phân tích thực trạng pháp luật và thực trạng áp dụng pháp luật về ĐKKD ở Việt Nam hiện nay trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện những quy định của pháp luật về vấn đề này trong tương lai. Tuy nhiên, đề tài này tác giả mới chỉ dừng lại ở việc phân tích các quy định pháp luật về thủ tục, thời gian cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tên doanh nghiệp, hồ sơ, ngành nghề kinh doanh... chưa có cái nhìn tổng thể toát lên quyền tự do kinh doanh của các chủ thể kinh doanh.

Trần Trọng Thắng (2017), "Đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp", Luận văn thạc sỹ luật học, Viện nhà nước và Pháp luật. Luận văn đã nghiên cứu làm rõ bản chất của hoạt động đăng ký kinh doanh, những vấn đề lý luận về chế độ ĐKKD theo quy định của Luật Doanh nghiệp, nghiên cứu và phân tích thực trạng cơ chế quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp đối với doanh nghiệp thông qua hoạt động đăng ký kinh doanh để từ đó đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với hoạt động ĐKKD của doanh nghiệp. Luận văn chưa đi sâu vào việc phân tích việc đăng ký kinh doanh qua mạng, áp dụng cơ chế một cửa liên thông.

Nguyễn Thị Huyền Trang (2018), "Nghiên cứu các vấn đề pháp lý về đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử tại Việt Nam", Luận án tiến sĩ, Đại học Luật Hà Nội. Luận án nghiên cứu về các vấn đề pháp lý liên quan đến đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử tại Việt Nam, tập trung vào các quy định pháp lý về đăng ký, thủ tục và giấy tờ cần thiết cho hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực này.

Trần Thị Nhung (2019), "Nghiên cứu các vấn đề pháp lý về đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam", Luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế Quốc dân. Luận án nghiên cứu về các vấn đề pháp lý liên quan đến đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam, đặc biệt là về quy định pháp lý và thủ tục đăng ký, cũng như vấn đề tài chính, thuế và quản lý của doanh nghiệp tư nhân.

Lê Thị Bích Hạnh (2017), "Nghiên cứu một số vấn đề pháp lý về đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam", Luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế Quốc dân). Luận án nghiên cứu về các vấn đề pháp lý liên quan đến đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam, bao gồm các quy định pháp lý và thủ tục đăng ký, cũng như các vấn đề liên quan đến tài chính, thuế và quản lý của các doanh nghiệp này.

Sách "Tự do kinh doanh và vấn đề đảm bảo quyền con người tại Việt Nam" do GS.TS. Mai Hồng Quý chủ biên, được Nhà xuất bản Lao động phát hành năm 2012. Nội dung của cuốn sách được tác giả phân tích, bình luận đánh giá pháp luật về doanh nghiệp Việt Nam trong việc đảm bảo quyền tự do kinh doanh như những quy định về thủ tục ĐKKD, chủ thể tham gia thành lập DN, ngành nghề được phép kinh doanh và cấm kinh doanh. Theo tác giả, để mở rộng đảm bảo quyền tự do theo đúng tinh thần của Hiến pháp, nhà nước cần tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi thông qua hệ thống pháp luật về doanh nghiệp phải phù hợp không được trái với nguyên tắc tự do kinh doanh, đồng thời đẩy mạnh việc cải cách quy trình ĐKKD rút ngắn thời gian và chi phí để doanh nghiệp được thực hiện kinh doanh một cách thuận lợi.

Từ những kết quả nghiên cứu của các công trình kể trên, luận văn kế thừa được nhiều nội dung liên quan đến cơ sở lý luận về thành lập doanh nghiệp cũng như ưu điểm, hạn chế của quá trình thực hiện pháp luật về đăng ký doanh nghiệp trong thực tiễn. Bên cạnh đó, luận văn cũng kế thừa được một số gợi ý xây dựng giải pháp có tính khả thi nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật đăng ký doanh nghiệp. Tuy nhiên, những đề tài kể trên mới chỉ ra được những tiến bộ và hạn chế của thủ tục thành lập doanh nghiệp như các quy định về điều

kiện thành lập, ngành nghề, trụ sở doanh nghiệp,... ở thời kỳ trước khi mà Luật doanh nghiệp 2014 còn có hiệu lực song đến nay khi mà Luật doanh nghiệp 2020 đi vào có hiệu lực thì những vấn đề được nghiên cứu trong các công trình trên đã không còn đáp ứng kịp thời với thực tiễn thi hành. Bởi luật doanh nghiệp 2020 đã có rất nhiều điểm mới và khác biệt so với Luật doanh nghiệp 2014. Đánh giá được những điểm khác biệt đó, luận văn đã cập nhật, làm rõ về những mặt tích cực và hạn chế còn sót của những quy định pháp luật được ghi nhận trong Luật doanh nghiệp 2020 nhằm hoàn thiện- xây dựng thủ tục đăng ký doanh nghiệp đơn giản gọn nhẹ phù hợp với xu thế của thế giới.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn

3.1. Mục đích

Đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Thứ nhất: Làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận của pháp luật về đăng ký kinh doanh theo hướng việc đăng ký kinh doanh là quyền của các chủ thể kinh doanh và được Nhà nước đảm bảo thực hiện bằng các quy định của pháp luật.

Thứ hai: Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về đăng ký kinh doanh ở tỉnh Gia Lai. Từ đó làm rõ những thành tựu và hạn chế, đặc biệt là thấy rõ những thách thức của việc thực thi các quy định của Luật doanh nghiệp năm 2020, qua việc phân tích nguyên nhân của các bất cập trong quá trình thực thi Luật doanh nghiệp 2020.

Thứ ba: Đưa ra những định hướng hoàn thiện pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về ĐKKD ở tỉnh Gia Lai.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận văn là những vấn đề lý luận, những quy định của pháp luật hiện hành về đăng ký doanh nghiệp và thực tiễn thực hiện tại địa bàn tỉnh Gia Lai để chỉ ra những vướng mắc trong các quy định của pháp luật và thực tiễn thực hiện.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu thực thi pháp luật về đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai đối với đăng ký các loại hình doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 2014, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Luận văn không đề cập đến nội dung quản lý đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

Thời gian nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu thực trạng đăng ký doanh nghiệp thực tiễn tại tỉnh Gia Lai từ năm 2016 -2022.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được trình bày dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lenin về nhà nước và pháp luật và những quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ đổi mới.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu và trình bày, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học sau đây:

Phương pháp phân tích và tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng trong tất cả các chương của luận văn để phân tích các khái niệm, đặc điểm, quy định của pháp luật, các số liệu...

Phương pháp so sánh: Được sử dụng trong luận văn để so sánh một số quy định của pháp luật trong các văn bản khác nhau, tập trung chủ yếu ở chương 2 của luận văn.

Phương pháp tổng hợp: Vận dụng để tổng hợp các số liệu, kết quả phân tích về thực trạng áp dụng, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về đăng ký doanh nghiệp.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận văn

Về ý nghĩa khoa học, Luận văn đóng góp về phương diện lý luận cho việc nghiên cứu pháp luật, quá trình xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật về ĐKKD, tìm kiếm mô hình ĐKKD nào cho phù hợp. Luận văn cũng làm rõ vai trò, chức năng của pháp luật về ĐKKD, sự tác động của hệ thống pháp luật về ĐKKD tới quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu của Luận văn sẽ là công trình khoa học có giá trị tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy, học tập và áp dụng pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam nói chung và tỉnh Gia Lai nói riêng.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài mục lục, danh mục các từ viết tắt, lời nói đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được kết cấu 3 chương như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về đăng ký kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về đăng ký kinh doanh và thực tiễn thực hiện tại tỉnh Gia Lai.

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về đăng ký kinh doanh ở tỉnh Gia Lai.

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

1.1. Khái quát về đăng ký kinh doanh

1.1.1. Khái niệm đăng ký kinh doanh

Đăng ký kinh doanh là một hoạt động pháp lý trong đó chủ thể kinh doanh thực hiện việc đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cơ quan đăng ký kinh doanh) nhằm ghi nhận sự ra đời của một mô hình kinh doanh và xác định địa vị pháp lý của chủ thể kinh doanh đó trên thị trường.

1.1.2. Đặc điểm của đăng ký kinh doanh

Thứ nhất, đăng ký kinh doanh là một thủ tục gia nhập thị trường của các chủ thể kinh doanh.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là tiền đề, cơ sở để doanh nghiệp gia nhập thị trường, tiến hành các hoạt động kinh doanh một cách hợp pháp dưới sự bảo hộ của nhà nước.

Thứ hai, đăng ký kinh doanh là phương thức thực hiện quyền tự do kinh doanh:

Quyền tự do kinh doanh gồm một hệ thống các quyền gắn liền với chủ thể kinh doanh, trong đó quyền tự do đăng ký kinh doanh là một nội dung quan trọng, là tiền đề để thực hiện các quyền khác thuộc nội dung quyền tự do kinh doanh.

Thứ ba, đăng ký kinh doanh là một thủ tục mang tính chất hành chính.

Đăng ký kinh doanh là một thủ tục hành chính để Nhà nước ghi nhận sự ra đời của doanh nghiệp.

1.1.3. Ý nghĩa của hoạt động đăng ký kinh doanh

Thứ nhất, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ pháp lý: Việc đăng ký kinh doanh giúp tổ chức hoặc cá nhân được chính thức công nhận về hoạt động kinh doanh và đảm bảo được quyền lợi và nghĩa vụ pháp lý trong quá trình thực hiện các hoạt động kinh doanh của mình.

Thứ hai, tạo điều kiện cho việc thực hiện các giao dịch kinh tế hợp pháp: Việc đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin về tổ chức hoặc cá nhân, giúp cho các bên liên quan có thể xác định được tính chất, quy mô, ngành nghề kinh doanh của tổ chức hoặc cá nhân đó. Điều này giúp tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các giao dịch kinh tế hợp pháp giữa tổ chức hoặc cá nhân và các đối tác, khách hàng.

Thứ ba, đăng ký kinh doanh giúp cơ quan quản lý nhà nước quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp một cách hiệu quả.

Thứ tư, đăng ký kinh doanh cũng giúp cơ quan quản lý nhà nước có thể thu thập thông tin về tình hình kinh tế của địa phương, khu vực hay cả nước.

1.2. Khái quát pháp luật về đăng ký kinh doanh

1.2.1. Khái niệm pháp luật về đăng ký kinh doanh

Pháp luật về đăng ký kinh doanh là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận để nhằm điều chỉnh những vấn đề về điều kiện, nội dung và trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh của các chủ thể kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh cũng như trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh.

Theo định nghĩa trên, pháp luật về đăng ký kinh doanh là tập hợp các quy định pháp luật điều chỉnh mối quan hệ xã hội giữa chủ thể đăng ký kinh doanh và cơ quan đăng ký kinh doanh. Pháp luật này bao gồm các quy định về thủ tục đăng ký kinh doanh, các biện pháp chế tài để đảm bảo việc đăng ký kinh doanh được thực hiện đúng pháp luật, và những vấn đề liên quan khác đến hoạt động đăng ký kinh doanh.

1.2.2. Nguyên tắc của pháp luật về đăng ký kinh doanh

Thứ nhất, nguyên tắc đảm bảo quyền tự do kinh doanh: Tự do kinh doanh là một trong những quyền được ghi nhận tại Điều 33 Hiến pháp năm 2013: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm.”

Thứ hai, nguyên tắc đảm bảo quyền bình đẳng giữa các chủ thể kinh doanh: Quyền bình đẳng giữa các chủ thể kinh doanh có cơ sở từ đặc điểm phổ quát của pháp luật đó là pháp luật có giá trị áp dụng như nhau đối với mọi đối tượng chịu sự điều chỉnh mà không có sự phân biệt.

Thứ ba, nguyên tắc công khai, minh bạch trong đăng ký kinh doanh: Nguyên tắc này nhằm đảo bảo bản chất dân chủ của xã hội, giúp nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận, nắm bắt được các quy định về điều kiện, quy trình, thủ tục khi muốn đăng ký kinh doanh.

1.2.3. Cấu trúc của pháp luật về đăng ký kinh doanh

1.2.3.1. Nhóm quy định về chủ thể đăng ký kinh doanh

Về nguyên tắc, hoạt động kinh doanh được thực hiện với tính chất chuyên nghiệp và được các chủ thể kinh doanh tiến hành. Chính vì thế, đòi hỏi pháp luật phải xác lập tư cách pháp lý cho các chủ thể kinh doanh với những điều kiện nhất định để tham gia vào hoạt động kinh doanh.

Hiện nay, pháp luật về đăng ký kinh doanh đã mở rộng đối tượng có quyền thành lập góp vốn có quyền đăng ký kinh doanh gồm: cá nhân và tổ chức thỏa

mãn các điều kiện theo quy định của pháp luật như: năng lực pháp lý (độ tuổi, khả năng nhận thức), quốc tịch (công dân Việt Nam hay công dân nước ngoài), khả năng tài chính (doanh nghiệp có lâm vào tình trạng phá sản không?) ngành nghề kinh doanh (tránh những ngành nghề bị cấm kinh doanh).

1.2.3.2. Nhóm quy định về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh

Các quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh gồm những quy định về cơ quan có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký kinh doanh, thành phần hồ sơ đăng ký kinh doanh, lệ phí đăng ký kinh doanh, trình tự, cách thức thực hiện, thời hạn giải quyết

1.2.3.3. Nhóm quy định về giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là văn bản hoặc bản điện tử mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho doanh nghiệp ghi lại những thông tin về đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp cho các doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp.

1.4. Các yếu tố tác động đến hiệu quả thực hiện pháp luật đăng ký kinh doanh

Thứ nhất, chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.

Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của đất nước có tác động lớn đến việc thực hiện pháp luật đăng ký kinh doanh. Nếu chính sách phát triển kinh tế của đất nước được thiết kế và triển khai đúng hướng, đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, thì nhu cầu đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp sẽ tăng lên.

Thứ hai, quá trình hội nhập quốc tế

Quá trình hội nhập quốc tế cũng có tác động lớn đến việc thực hiện pháp luật đăng ký kinh doanh. Việc hội nhập quốc tế đưa đất nước đến với môi trường kinh doanh quốc tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đăng ký kinh doanh và thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh ở các quốc gia khác. Điều này đặt ra một số thách thức và yêu cầu đối với pháp luật đăng ký kinh doanh.¹

¹Luận văn: "Đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử tại Việt Nam: Vấn đề và giải pháp" năm 2019 (Trần Ngọc Tú, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI TỈNH GIA LAI.

2.1. Thực trạng pháp luật về đăng ký kinh doanh

2.1.1. Quy định về chủ thể đăng ký kinh doanh

Luật Doanh nghiệp 2020 quy định cụ thể về các điều kiện để các tổ chức và cá nhân được phép thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam, trừ những trường hợp sau:

+ Cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình.

+ Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

Luật Cán bộ công chức năm 2008, Luật Viên chức năm 2010 và đặc biệt Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 không cho phép cán bộ, công chức, viên chức được thành lập doanh nghiệp. Khoản 2 Điều 20 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 cấm người có chức vụ, quyền hạn thực hiện các hoạt động sau:

“Những nhiệm vụ giải quyết công việc;

Thành lập, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã, trừ trường hợp luật có quy định khác;

Tư vấn cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác ở trong nước và nước ngoài về công việc có liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật công tác, công việc thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc tham gia giải quyết;

Thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã thuộc lĩnh vực mà trước đây mình có trách nhiệm quản lý trong thời hạn nhất định theo quy định của Chính phủ;

+ Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại các doanh nghiệp.

+ Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác; Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp nhà nước không được phép thành lập và quản lý doanh nghiệp bao

gồm: thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên Ban kiểm soát, Trưởng, phó các phòng, ban nghiệp vụ, Trưởng chi nhánh và văn phòng đại diện của các doanh nghiệp Nhà nước.

+ Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; tổ chức không có tư cách pháp nhân.

+ Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành hình phạt tù, quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị cấm hành nghề kinh doanh, đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định, liên quan đến kinh doanh theo quyết định của Tòa án; trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản, phòng, chống tham nhũng.²

Các trường hợp theo quy định của pháp luật về phá sản. Khoản 3 Điều 130 Luật Phá sản năm 2014 quy định: “Người giữ chức vụ quản lý của doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản mà cố ý vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 18, khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 48 của Luật này thì Thẩm phán xem xét, quyết định về việc không được quyền thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, làm người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Tòa án nhân dân có quyết định tuyên bố phá sản”. Tuy nhiên, quy định này sẽ không được áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản với lý do bất khả kháng.

- Cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Phòng, chống tham nhũng.

2.1.2. Quy định pháp luật về hồ sơ đăng ký kinh doanh

2.1.2.1. Hồ sơ đối với doanh nghiệp tư nhân

Hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân bao gồm các tài liệu và giấy tờ cần thiết để chứng minh quyền lợi và trách nhiệm của người đăng ký, thông tin về doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh của nó. Cụ thể, hồ sơ đăng ký bao gồm: (i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp; (ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ doanh nghiệp tư nhân.

2.1.2.2. Hồ sơ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần và công ty hợp danh

Thứ nhất, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là một trong các hình thức doanh nghiệp phổ biến tại Việt Nam. Đây là loại hình doanh nghiệp

²L luận văn: "Pháp luật về đăng ký kinh doanh và giải pháp nâng cao hiệu quả đăng ký kinh doanh tại Việt Nam" năm 2018 (Nguyễn Hồng Thảo, Trường Đại học Luật Hà Nội)

được thành lập bởi ít nhất hai cá nhân hoặc tổ chức, với mục đích hợp tác, chia sẻ rủi ro và phân chia lợi nhuận.

Thứ hai, công ty cổ phần (hay còn gọi là công ty cổ phần hóa) là một loại hình công ty được thành lập với mục đích thu hút vốn từ các cổ đông bằng cách phát hành cổ phiếu. Điều này cho phép công ty có thể vận hành và phát triển các hoạt động kinh doanh lớn hơn và có quy mô quyền lực hơn so với các loại hình công ty khác.

Thứ ba, Công ty hợp danh là doanh nghiệp, trong đó: (i) Phải có ít nhất hai thành viên hợp danh; ngoài các thành viên hợp danh, có thể có thành viên góp vốn; (i) Thành viên hợp danh phải là cá nhân, có trình độ chuyên môn và uy tín nghề nghiệp và phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty; (i) Thành viên góp vốn chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty. Công ty hợp danh không có tư cách pháp nhân và không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào để huy động vốn.

****Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty cổ phần:*** hồ sơ đăng ký của hai loại hình doanh nghiệp này được pháp luật tương đối giống nhau, cụ thể theo Điều 23 Nghị định 01/2021-NĐ/CP về đăng ký kinh doanh, hồ sơ bao gồm:

(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

(ii) Điều lệ công ty.

(iii) Danh sách thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần.

(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:

- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.

Đối với thành viên, cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

****Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty hợp danh:***

(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

(ii) Điều lệ công ty.

(iii) Danh sách thành viên.

(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:

(v) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên công ty là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.

Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

(vi) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2.1.3. Quy định về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh

Trình tự, thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp là những thủ tục hay là những bước và thời hạn thực hiện mà cá nhân, tổ chức và cơ quan đăng ký kinh doanh phải tuân thủ trong quá trình đăng ký thành lập doanh nghiệp do pháp luật quy định. Hiện nay, cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ vào cải cách thủ tục hành chính thì trình tự thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp cũng có nhiều thay đổi, chủ thể doanh nghiệp có thể lựa chọn hình thức nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc nộp hồ sơ qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia (nộp hồ sơ qua mạng điện tử thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp).

2.1.3.1 Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ các thông tin cần thiết để lập hồ sơ thành lập công ty

Thứ nhất, Lựa chọn loại hình doanh nghiệp để bắt đầu khởi nghiệp: .

Thứ hai, Chuẩn bị bản sao y công chứng chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của các thành viên (đối với loại hình công ty TNHH), các cổ đông (đối với loại

hình công ty cổ phần). Bản sao y công chứng CCCD chưa quá 3 tháng, thời hạn CCCD chưa quá 15 năm.

Thứ ba, Lựa chọn đặt tên công ty

Thứ tư, Xác định địa chỉ trụ sở thuộc quyền sử dụng hợp pháp của công ty.

Thứ năm, Xác định ngành nghề kinh doanh mà công ty dự kiến kinh doanh.

Thứ sáu, Xác định vốn điều lệ để đưa ra kinh doanh.

Thứ bảy, Xác định chức danh người đại diện theo pháp luật của công ty.

Bước 2: Tiến hành thủ tục soạn và nộp hồ sơ thành lập doanh nghiệp

Sau khi chuẩn bị đầy đủ những thông tin cần thiết doanh nghiệp tiến hành soạn thảo hồ sơ thủ tục thành lập công ty và nộp lên sở Kế hoạch và Đầu tư.

Thứ nhất, Soạn thảo hồ sơ thủ tục thành lập công ty.

Thứ hai, Nộp hồ sơ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh

Bước 3, Tiếp nhận hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

Việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thực hiện bằng việc cơ quan đăng ký kinh doanh ghi vào sổ hồ sơ tiếp nhận của cơ quan mình, đồng thời trao cho người thành lập Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ hợp lệ.

Bước 4, Xem xét tính hợp lệ hồ sơ đăng ký và cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Sau khi trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ, Phòng Đăng ký kinh doanh nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tải các văn bản trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp sau khi được số hóa vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Bước 5, Công bố thông tin thành lập mới doanh nghiệp trên cổng thông tin quốc gia.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý và báo cáo tài chính của doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp cho các cơ quan có liên quan của Chính phủ, cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

Bước 6, Thủ tục khắc và phát hành mẫu dấu pháp nhân

Doanh nghiệp cung cấp bản sao y công chứng giấy phép kinh doanh đến cơ sở có chức năng khắc dấu để tiến hành khắc mẫu dấu pháp nhân.

2.1.3.2. Đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử

- Người đại diện theo pháp luật kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử và thanh toán lệ phí qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để tự động tạo mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

2.1.4. Đánh giá thực trạng pháp luật về đăng ký doanh nghiệp

Thứ nhất, tạo điều kiện trong việc gia nhập thị trường của doanh nghiệp, giúp đơn giản hóa hồ sơ, giảm chi phí về thời gian và tiền bạc trong việc đăng ký thành lập doanh nghiệp.

Thứ hai, hợp nhất ba thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và khắc dấu, tạo sự thống nhất trong quy trình, thủ tục đăng ký kinh doanh “một cửa liên thông”.

Thứ ba, nghị định số 78/2015/NĐ-CP ra đời đã tạo sự đột phá trong thủ tục thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam. Thủ tục thành lập doanh nghiệp được gọi dưới một tên gọi mới là thủ tục ĐKDN, thay thế cho thuật ngữ ĐKKD trước đó.

Thứ tư, nghị định số 01/2021/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung một số thủ tục hành chính nhằm làm đơn giản, minh bạch hóa thủ tục đăng ký kinh doanh.

**** Một số điểm tiến bộ của Luật Doanh nghiệp 2020 liên quan đến vấn đề đăng ký doanh nghiệp bao gồm:***

Thứ nhất, quy định tại Điểm g khoản 2 Điều 17, bổ sung thêm 01 đối tượng khác không được thành lập và quản lý doanh nghiệp là: Tổ chức là pháp nhân thương mại bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Thứ hai, khoản 4 Điều 46 Luật doanh nghiệp 2020 cho phép công ty TNHH 2 thành viên trở lên được phát hành trái phiếu, đây là một điểm tiến bộ trong quy định pháp luật về doanh nghiệp tại Việt Nam, cụ thể: (i) Mở rộng phạm vi phát hành trái phiếu (ii) Hỗ trợ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp: (iii) Tăng cường sự đa dạng hóa các sản phẩm tài chính (iv) Tạo sự công bằng trong hoạt động kinh doanh

Thứ ba, khoản 1 Điều 205 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định pháp luật về việc cho phép doanh nghiệp tư nhân có thể trực tiếp chuyển đổi thành công ty

TNHH, công ty cổ phần hoặc công ty hợp danh đã mang lại nhiều lợi ích cho các doanh nghiệp.

Bên cạnh những tích cực nêu trên, pháp luật về ĐKKD vẫn thể hiện ra một số điểm hạn chế. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, vẫn còn sự chồng lấn về nội dung các luật giữa luật chuyên ngành và Luật Doanh nghiệp 2020 làm hạn chế và giảm đáng kể quyền tự do kinh doanh của các doanh nghiệp liên quan.

Thứ hai, pháp luật về ĐKKD vẫn còn tồn tại những bất cập quy định về điều kiện đăng ký kinh doanh.

Hiện nay trong quá trình thực thi điều kiện kinh doanh là những điều kiện mà doanh nghiệp phải đáp ứng được trước khi gia nhập thị trường. Do vậy, chính những điều kiện này về bản chất là các rào cản gia nhập thị trường các sản phẩm, dịch vụ có liên quan, làm cho gia nhập thị trường trở nên tốn kém hơn, khó khăn hơn và khó dự đoán hơn đối với các nhà đầu tư và doanh nghiệp; qua đó, tạo ra những méo mó, sai lệch và hạn chế cạnh tranh thị trường. Điều đó, không chỉ hạn chế quyền tự do kinh doanh, mà còn tạo ra sự bất bình đẳng và thiếu công bằng trong tiếp cận các quyền kinh doanh.

Ví dụ: Doanh nghiệp kinh doanh quảng cáo ngoài trời, theo Luật quảng cáo, doanh nghiệp phải xin hơn 20 chữ ký, mất thời gian từ 6 tháng đến một năm mới được cấp phép. Điều này làm cho doanh nghiệp mất cơ hội kinh doanh, thời gian, chi phí tốn kém.

Hay là, để doanh nghiệp được phép hoạt động xuất khẩu gạo, doanh nghiệp phải thỏa mãn các điều kiện: doanh nghiệp phải có ít nhất một kho chuyên dùng với sức chứa tối thiểu 5.000 tấn thóc, có ít nhất 01 cơ sở xay sát gạo với công suất tối thiểu 10 tấn thóc/ giờ và phải trữ ít nhất 10% lượng gạo xuất khẩu 6 tháng trước đó. Nếu doanh nghiệp thỏa mãn các điều kiện trên, doanh nghiệp sẽ được Bộ Công thương cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo

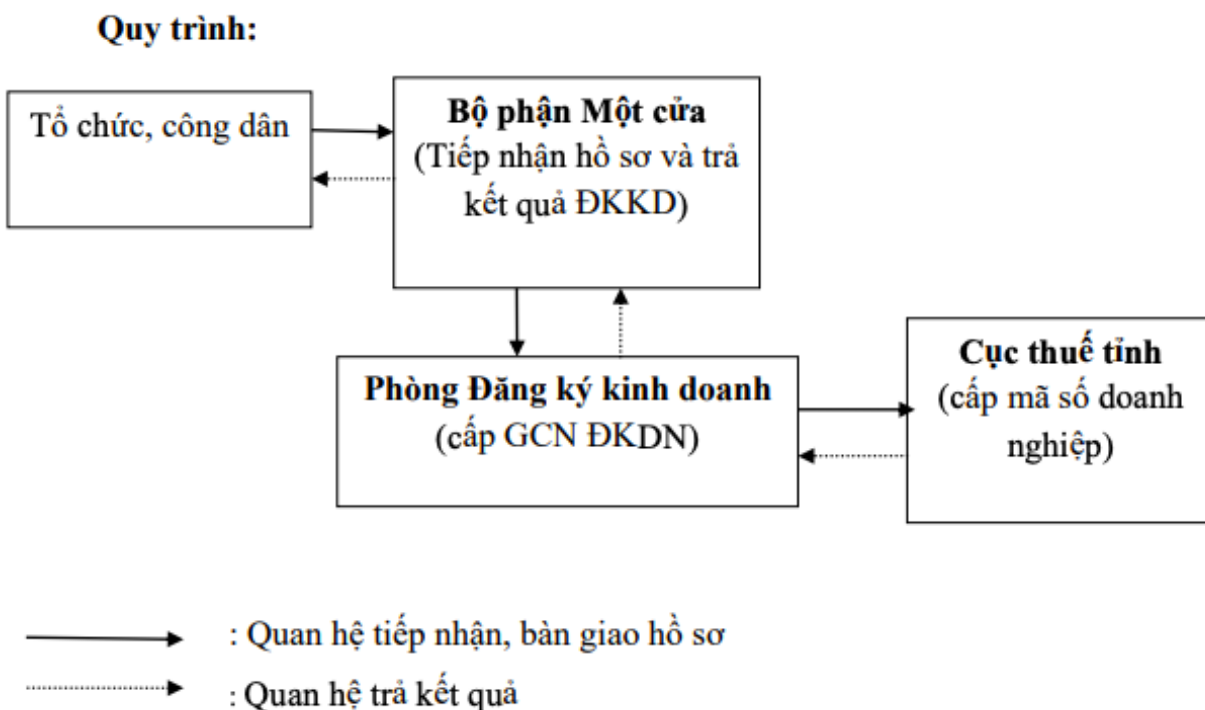
Thứ ba, pháp luật về ĐKKD vẫn còn bất cập về giấy phép “con”.

Hiện nay, khi doanh nghiệp gia nhập thị trường ngoài việc thỏa mãn các điều kiện do pháp luật quy định (chủ thể, vốn, ngành nghề kinh doanh), doanh nghiệp còn phải đáp ứng những yêu cầu xác nhận về thông tin ngành nghề kinh doanh, xác nhận thông tin về thuế. Trên thực tế, doanh nghiệp phải đi vào hoạt động rồi mới có xác nhận về thuế. Như vậy, để có được giấy phép kinh doanh thì doanh nghiệp phải có giấy xác nhận như đã nêu trên, thay vì doanh nghiệp chỉ có một Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về đăng ký kinh doanh ở tỉnh Gia Lai

2.2.1. Tình hình đăng ký kinh doanh ở Gia Lai trong những năm gần đây

Hiện nay việc giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai được thực hiện theo quy trình sau:



Theo báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai, tình hình đăng ký doanh nghiệp tính đến hết năm 2021 có khá nhiều thay đổi tích cực. Dưới đây là thông tin chi tiết về tình hình đăng ký doanh nghiệp tại tỉnh Gia Lai trong 5 năm qua:

Năm 2017:

Số lượng doanh nghiệp mới đăng ký thành lập: 1.543 doanh nghiệp.

Tổng số vốn đăng ký thành lập: 4.293 tỷ đồng.

Số lượng doanh nghiệp hoạt động tại tỉnh Gia Lai: 8.364 doanh nghiệp.

Năm 2018:

Số lượng doanh nghiệp mới đăng ký thành lập: 1.651 doanh nghiệp.

Tổng số vốn đăng ký thành lập: 5.049 tỷ đồng.

Số lượng doanh nghiệp hoạt động tại tỉnh Gia Lai: 9.919 doanh nghiệp.

Năm 2019:

Số lượng doanh nghiệp mới đăng ký thành lập: 1.759 doanh nghiệp.

Tổng số vốn đăng ký thành lập: 5.566 tỷ đồng.

Số lượng doanh nghiệp hoạt động tại tỉnh Gia Lai: 11.242 doanh nghiệp.

Năm 2020:

Số lượng doanh nghiệp mới đăng ký thành lập: 1.607 doanh nghiệp.

Tổng số vốn đăng ký thành lập: 6.384 tỷ đồng.

Số lượng doanh nghiệp hoạt động tại tỉnh Gia Lai: 12.697 doanh nghiệp.

Năm 2021:

Số lượng doanh nghiệp mới đăng ký thành lập: 1.759 doanh nghiệp.

Tổng số vốn đăng ký thành lập: 6.557 tỷ đồng.

Số lượng doanh nghiệp hoạt động tại tỉnh Gia Lai: 13.988 doanh nghiệp.

Các ngành nghề đăng ký doanh nghiệp tại tỉnh Gia Lai cũng đa dạng, bao gồm các ngành như công nghiệp chế biến, nông nghiệp, dịch vụ, du lịch và giáo dục. Đặc biệt, các ngành liên quan đến nông nghiệp và lâm nghiệp có nhiều tiềm năng phát triển tại tỉnh Gia Lai, như sản xuất cà phê, cao su, trà và các sản phẩm từ gỗ.

Tuy nhiên, việc đăng ký doanh nghiệp cũng còn gặp một số thách thức, bao gồm thủ tục pháp lý phức tạp, thời gian xử lý chậm và chi phí cao. Để đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp tại tỉnh Gia Lai, cần có sự hỗ trợ từ các cơ quan chức năng để giảm bớt những khó khăn này và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển.

Bên cạnh những phát triển tích cực riêng đối với tình hình ĐKKD tại Gia Lai, những thay đổi pháp luật cũng mang đến nhiều đổi mới thuận lợi, thúc đẩy quá trình ĐKKD ở Việt Nam nói chung, cụ thể như sau:

Một là, thủ tục đăng ký kinh doanh bao gồm hồ sơ, trình tự, thời hạn, điều kiện và thẩm quyền về cơ bản đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh, ở hầu hết các địa phương thì đều không kèm thêm hồ sơ thủ tục và đòi hỏi nào ngoài quy định.

Hai là, thời hạn đăng ký kinh doanh trên thực tế tại hầu hết các địa phương và đối với đa số các ngành, nghề đã rút ngắn xuống hơn so với quy định.

Ba là, bãi bỏ được hàng trăm giấy phép kinh doanh, “giấy phép kinh doanh con” qua đó xóa bỏ được một phần không nhỏ những cản trở hành chính bất hợp lý đối với hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp của doanh nghiệp.

2.2.2. Những hạn chế, bất cập và nguyên nhân

Thứ nhất, thủ tục đăng ký phức tạp. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp là một quy trình phức tạp, gồm nhiều bước khác nhau như chuẩn bị hồ sơ, đăng ký tên doanh nghiệp, đăng ký giấy phép kinh doanh, đăng ký mã số thuế, đăng ký sổ đăng ký kinh doanh... Nếu không nắm rõ các quy định, cách thức thực hiện các bước này, việc đăng ký doanh nghiệp có thể trở nên khó khăn và tốn thời gian.

Một số lỗi phổ biến khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

(i) Không chuẩn bị đầy đủ hồ sơ cần thiết để đăng ký doanh nghiệp, dẫn đến việc phải điều chỉnh hồ sơ sau đó.

(ii) Chọn tên công ty không phù hợp hoặc không đảm bảo độc quyền, dẫn đến việc từ chối đăng ký.

(iii) Không nắm rõ các quy định pháp luật liên quan đến việc đăng ký doanh nghiệp, dẫn đến việc thực hiện sai hoặc chậm tiến độ.

Thứ hai, về hệ thống cơ quan đăng ký doanh nghiệp.

Một là, Hệ thống quản lý và giám sát hiện nay vẫn còn rất yếu. Từ trung ương cho đến địa phương sự móc nối, liên kết với nhau vẫn còn ít và không ăn nhập.

Hai là, Số lượng cán bộ làm công tác đăng ký thành lập doanh nghiệp hiện nay còn rất thiếu và phải chịu áp lực lớn về tâm lý trong quá trình công tác.

Thứ năm, Về nội dung đăng ký thành lập doanh nghiệp

Các quy định về đặt tên doanh nghiệp còn cản trở quyền tự do thành lập doanh nghiệp của nhà đầu tư. Việc quy định về tên doanh nghiệp đã được Luật hóa tại Điều 37, Điều 38, Điều 39 Luật doanh nghiệp năm 2020 và Nghị định số 01/2021/NĐ-CP Về đăng ký doanh nghiệp, cụ thể cấm đặt tên doanh nghiệp trong nhiều trường hợp. Tuy nhiên, việc xác định cụ thể các nhân vật là danh nhân, nhân vật trong lịch sử bị coi là phản chính nghĩa, kìm hãm sự tiến bộ, thì không có căn cứ rõ ràng. Những quy định chung chung như trên đã gây ra nhiều lúng túng cho nhà đầu tư lẫn cơ quan quản lý, dẫn đến sự từ chối “tùy tiện” của cơ quan quản lý trong cấp đăng ký doanh nghiệp, chưa đảm bảo quyền tự do thành lập doanh nghiệp, trong đó có quyền đặt tên cho doanh nghiệp của nhà đầu tư

Thứ sáu, thiếu cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan

Khi doanh nghiệp ra đời và hoạt động kinh doanh, phải chịu sự điều chỉnh của nhiều luật như Luật Doanh nghiệp, Luật quản lý thuế, Luật lao động và một số luật chuyên ngành khác. Bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh có rất nhiều cơ quan chuyên môn có chức năng cấp GCN ĐKDN, nhưng các cơ quan trên hầu như không thực hiện được chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp mà hiện tại, hầu hết đều giao cho Sở KH&ĐT quản lý doanh nghiệp. Tuy nhiên, Sở KH&ĐT chỉ có trách nhiệm quản lý nội dung đăng ký doanh nghiệp chứ không quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Thứ bảy, hệ thống mạng công nghệ thông tin chưa hoàn thiện

****Nguyên nhân của những hạn chế:***

Thứ nhất, do tình hình phức tạp của tỉnh Gia Lai. Là một tỉnh phát triển sau này. Với lượng doanh nghiệp lớn đóng trên địa bàn thành phố nói riêng và tỉnh nói chung, vấn đề quản lý nhà nước và thực thi pháp luật đăng ký doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn và phức tạp.

Thứ hai, do hệ thống pháp luật đang trong quá trình điều chỉnh và hoàn thiện.

Thứ ba, do hệ quả của quá trình phát triển không đúng theo trình tự.

Thứ tư, do chưa có sự quan tâm đúng mức đến công tác quản lý đăng ký kinh doanh.

Thứ năm, do nhận thức còn hạn chế của cả từ phía chủ thể đăng ký và cơ quan đăng ký kinh doanh.

CHƯƠNG 3:

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về đăng ký kinh doanh

3.1.1. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc đăng ký doanh nghiệp

Tạo điều kiện thuận lợi cho việc đăng ký doanh nghiệp: Pháp luật về đăng ký doanh nghiệp cần đảm bảo rằng việc đăng ký doanh nghiệp được thực hiện dễ dàng, nhanh chóng và tiết kiệm thời gian và chi phí.

3.1.2. Tăng cường tính minh bạch và công khai

Tăng cường tính minh bạch và công khai: Pháp luật về đăng ký doanh nghiệp cần đảm bảo tính minh bạch và công khai, để đảm bảo quyền lợi và tránh tình trạng tham nhũng.

3.1.3. Thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp

Thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp: Pháp luật về đăng ký doanh nghiệp cần đảm bảo sự phát triển của doanh nghiệp, khuyến khích đầu tư và kinh doanh và giảm bớt các rào cản không cần thiết.

3.1.4. Đồng bộ với các quy định khác liên quan đến doanh nghiệp

Đồng bộ với các quy định khác liên quan đến doanh nghiệp: Pháp luật về đăng ký doanh nghiệp cần đồng bộ với các quy định khác liên quan đến doanh nghiệp như thuế, lao động, v.v.

3.1.5. Tối đa hóa quyền tự do doanh

Thực hiện tối đa hóa quyền tự do doanh theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về đăng ký kinh doanh

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật về chủ thể kinh doanh

Nhằm tăng cường công tác quản lý trong việc ĐKKD, ở Việt Nam hiện nay thực hiện theo chủ trương tăng cường công tác “hậu kiểm”. Tuy nhiên, khi triển khai thực hiện chủ trương này nhiều địa phương cũng chưa thực sự làm tốt vẫn còn để tình trạng vi phạm pháp luật trong công tác ĐKKD diễn ra hàng năm. Do đó, để thực sự đảm bảo được quyền tự do kinh doanh của công dân, đồng thời thực hiện được công tác quản lý nhà nước trong việc ĐKKD đòi hỏi nhà nước cần phải có những chế tài siết mạnh tính chịu trách nhiệm của các chủ thể khi thực hiện hoạt động ĐKKD.

3.2.2. Hoàn thiện pháp luật về ngành nghề kinh doanh cho doanh nghiệp

Toàn bộ quy trình về đăng ký ngành nghề mới, cũng như thay đổi ngành nghề kinh doanh không ghi trong giấy phép đăng ký kinh doanh mà được tập hợp lưu thông tin tại Cổng thông tin quốc gia vẫn giúp nhà nước trong hoạt động quản lý doanh nghiệp, sự giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp. Tuy nhiên, để giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn trong việc đăng ký mã ngành kinh doanh, đòi hỏi nhà nước cần phải đảm bảo các yêu cầu sau: (i) Việc quy định mã ngành cần phải được quy định rõ ràng, cụ thể, chi tiết, tạo điều kiện cho chủ thể kinh doanh dễ dàng áp dụng; đặc biệt các ngành kinh doanh cấp bốn phải được cụ thể hóa, bao quát hết các ngành kinh doanh hiện nay. Hầu hết các doanh nghiệp khi đăng ký kinh doanh không phải chỉ có đăng ký duy nhất một ngành nghề kinh doanh, mà đăng ký hầu như rất nhiều ngành nghề cùng một lúc. Do vậy, việc quy định cấp nhiều mã ngành cùng một lúc cho doanh nghiệp thì phải đặt vấn đề có cơ chế theo dõi, doanh nghiệp thực hiện kinh doanh hết tất cả các ngành nghề đó không, để tránh việc doanh nghiệp không kinh doanh mà cứ đăng ký thì cũng chẳng sao. Câu chữ trong mã ngành cần phải cụ thể, rõ ràng, đơn nghĩa cấu trúc để tạo điều kiện cho các chủ thể kinh doanh dễ áp dụng cũng như cho chính các cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh, tránh việc họ áp dụng sai, làm sai ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh cho các chủ thể kinh doanh.

Ngoài ra, đối với lĩnh vực ngành nghề bị cấm kinh doanh nên quy định ở một nguồn văn bản pháp luật nhất định, tránh để tình trạng ban hành ở nhiều quy định khác nhau, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tìm hiểu, tiếp cận, vì nếu nhà đầu tư nước ngoài thì cũng chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp. Do đó,

nhà nước nên quy định danh mục ngành nghề bị cấm kinh doanh ở ngay Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật doanh nghiệp.

3.2.3. Hoàn thiện pháp luật về trụ sở kinh doanh của doanh nghiệp

Pháp luật về doanh nghiệp quy định, để được cấp Giấy chứng nhận ĐKKD, doanh nghiệp phải có trụ sở chính trên lãnh thổ Việt Nam, với địa chỉ rõ ràng ghi rõ các thông tin cụ thể theo địa chỉ đó. Điều này thực sự gây khó khăn, trở ngại cho các nhà đầu tư, bởi lẽ thủ tục hành chính trong lĩnh vực địa chính của nhà nước ta hiện nay còn nhiều bất cập, để có được bất động sản làm trụ sở chính của doanh nghiệp, nhà đầu tư phải làm thủ tục xin UBND nơi có bất động sản xác nhận để làm trụ sở chính của doanh nghiệp, sau đó có sự xác nhận này là điều kiện để doanh nghiệp được cấp Giấy CNĐKKD.

Ngoài ra, Điều 42 Luật doanh nghiệp 2020 ghi rõ: "Trụ sở chính của doanh nghiệp đặt trên lãnh thổ Việt Nam, là địa chỉ liên lạc của doanh nghiệp và được xác định theo địa giới đơn vị hành chính; có số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có)"

Mặt khác, Luật Kinh doanh bất động sản quy định nghĩa vụ bên mua nhà "sử dụng nhà, công trình xây dựng đúng công năng thiết kế". Luật Xây dựng quy định "nội dung thiết kế xây dựng công trình phải phù hợp, thỏa mãn với yêu cầu về chức năng sử dụng". Nhà chung cư được thiết kế theo mục đích sử dụng với các tiêu chuẩn về tải trọng, cấp điện, thang máy, nơi thoát nạn, phòng cháy, chữa cháy... phù hợp với nhà ở. Nếu sử dụng sai mục đích sẽ không đảm bảo các điều kiện an toàn... Do đó, tác giả thiết nghĩ trong nền kinh tế thị trường mục đích đảm bảo quyền tự do kinh doanh thì việc nhà đầu tư muốn tiết kiệm chi phí, sử dụng nhà chung cư làm trụ sở chính cho doanh nghiệp cũng là điều hợp lý.

3.2.4. Hoàn thiện công tác công khai, minh bạch hóa thông tin về thủ tục đăng ký kinh doanh

Việc công khai, minh bạch hóa thông tin về đăng ký doanh nghiệp sẽ giúp tăng cường vai trò giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp, thúc đẩy sự tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp cũng như đơn giản hóa thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp đồng thời huy động được các nguồn lực cùng tham gia vào phát triển kinh tế thị trường. Do đó, để doanh nghiệp dễ dàng trong công tác thực thi ĐKKD nhà nước cần ban hành quy định bổ sung quy định pháp lý về công khai hóa, minh bạch hóa thông tin đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

3.2.5. Hoàn thiện quy định pháp luật về kiểm soát Nhà nước đối với hoạt động cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Để hoạt động đăng ký kinh doanh thực chất là sự kiểm soát của Nhà nước đối với các chủ thể thông qua việc cấp giấy phép đăng ký kinh doanh. Do vậy, việc thành lập doanh nghiệp đòi hỏi nhà nước cần có cơ chế giảm tải các thủ tục không cần thiết, tránh gây phiền hà, yếu sách không cần thiết làm mất công sức, thời gian, chi phí, ảnh hưởng đến hoạt động đăng ký kinh doanh cần phải được loại bỏ, cần phải có sự cải thiện môi trường kinh doanh theo hướng càng đơn giản, thông thoáng theo hướng không phải xin phép thành lập mà là được thành lập

3.2.6. Hoàn thiện quy định quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”

Một doanh nghiệp khi hoạt động trên thương trường, không thể không có sự kiểm soát của nhà nước. Tuy nhiên sự kiểm soát như thế nào cho có hiệu quả, một mặt vẫn đảm bảo quyền tự do kinh doanh cho doanh nghiệp mặt khác, vẫn đảm bảo sự quản lý của nhà nước đối với hoạt động ĐKKD. Pháp luật về ĐKKD cần hướng tới sự quản lý từ khâu “tiền kiểm” sang khâu “hậu kiểm”. Bởi lẽ, đây là hoạt động nâng cao sự quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau khi đã đăng ký thành lập, đồng thời nâng cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp theo từng lĩnh vực hoạt động, kinh doanh của doanh nghiệp; mỗi cơ quan sẽ chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực chuyên ngành tương ứng. Chú trọng ban hành quy phạm pháp luật cho người dân trong xã hội có quyền tham gia giám sát doanh nghiệp từ khi thành lập cho tới khi kết thúc hoạt động kinh doanh.

3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về đăng ký kinh doanh tại tỉnh Gia Lai

3.3.1. Tăng cường đội ngũ nhân sự đáp ứng đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng

- Tuyển dụng nhân sự trên cơ sở đánh giá một cách đầy đủ khối lượng công việc, khả năng đáp ứng của đội ngũ cán bộ hiện tại. Đồng thời cũng phải nhìn nhận một cách toàn diện để dự báo được khối lượng công việc trong tương lai để có phương án bố trí nhân lực phù hợp.

- Tăng cường đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh; đào tạo cho cán bộ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng phần mềm tin học nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên môn làm công tác đăng ký kinh doanh để hình thành một đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp,

với trình độ pháp lý chuyên sâu, trình độ tin học, khai thác các thông tin mạng đáp ứng yêu cầu công việc đặc biệt trong thời kỳ hội nhập hóa quốc tế.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền ý thức, trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh, xử lý nghiêm minh đối với cán bộ có biểu hiện cửa quyền, hách dịch, tham nhũng.

3.3.2. Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin đăng ký kinh doanh

Cần cải cách kỹ thuật công nghệ trong đăng ký kinh doanh nhằm ứng dụng tối đa khoa học, công nghệ vào thực tiễn công tác đăng ký kinh doanh, qua đó đơn giản hóa thủ tục hành chính, góp phần giảm kinh phí và khắc phục những yếu kém, bất cập trong thực tiễn hoạt động đăng ký kinh doanh.

Kịp thời khắc phục những lỗ hổng, những sai sót trong vận hành phần mềm ứng dụng trong hoạt động đăng ký kinh doanh để hạn chế những tác động tiêu cực do những lỗ hổng, những sai sót trong quá trình vận hành gây ra.³

3.3.3. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật và hỗ trợ tư vấn đối với doanh nghiệp khi đăng ký kinh doanh

Cần thường xuyên tiến hành tuyên truyền, phổ biến pháp luật dưới mọi hình thức. Kết hợp với các phương tiện thông tin đại chúng như hệ thống truyền thanh cơ sở; báo viết; báo điện tử... để tuyên truyền nội dung pháp luật về đăng ký kinh doanh đến các đối tượng liên quan.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cũng nên mở các lớp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về doanh nghiệp cho các tổ chức, cá nhân quan tâm.

3.3.4. Tăng cường công tác hậu kiểm

Công tác hậu kiểm cần được tiến hành thường xuyên, tuy nhiên phải chú trọng đến ý nghĩa tích cực của công tác này. Phải coi đó là hoạt động trợ giúp doanh nghiệp trong quá trình sản xuất, kinh doanh, đồng thời qua đó xử lý kịp thời hành vi vi phạm chứ không phải chỉ tìm kiếm vi phạm để xử lý.

³Vũ Thị Hương (2019), Pháp luật về đăng ký kinh doanh theo Luật doanh nghiệp từ thực tiễn tỉnh Hưng Yên, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Các văn bản pháp luật.

1. Bộ Luật Dân sự năm 2015
2. Bộ luật Hình sự năm 2015
3. Luật Doanh nghiệp năm 2014, 2020
4. Luật Đầu tư năm 2014, 2020
5. Nghị định số 43/2010/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký kinh doanh
6. Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.
7. Nghị định số 96/2015/NĐ-CP, Nghị định 47/2021/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và 2020.
8. Thông tư liên tịch số 05/2008/BKH-BTC-BCA hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo luật Doanh nghiệp
9. Thông tư số 176/2012/TT-BTC, ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp
10. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2015), Thông tư số 20/2015/BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp, Hà Nội.

II. Các tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt

11. Báo cáo tổng kết tình hình đăng ký kinh doanh của Phòng Đăng ký kinh doanh Gia Lai các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020.
12. Bộ Chính trị, Nghị quyết về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2025
13. Lê Thị Ngọc Hải (Đại học khoa học, Đại học Huế) hoàn thiện pháp luật về cơ quan đăng ký kinh doanh và giải pháp nâng cao năng lực hoạt động
14. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013
15. Dương Đăng Huệ, Nguyễn Lê Trung (2018) “Vấn đề kiện toàn hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh nước ta hiện nay”, Nhà nước và pháp luật (01)
16. Từ điển thuật ngữ kinh doanh (Dictionary of business terms - tiếng Anh) năm 1987 do Jack P.Friedman chủ biên
17. Từ điển bách khoa Việt Nam tập 1(1995), Trung tâm biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam, Hà Nội
18. Trang Web: dangkykinhdoanh.gov.vn
19. Nguyễn Thế Anh (2017), Chế độ pháp lý về đăng ký kinh doanh theo Luậtdoanh nghiệp 2014, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Luật Hà Nội

20. Trần Thị Bình (2018), Phát huy vai trò và động lực của kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam số 4(77), tr.23

21. Nguyễn Thị Thúy Hòa (2021), Một số vấn đề lý luận về pháp luật đăng ký kinh doanh và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Luật Hà Nội

22. Vũ Thị Hương (2019), Pháp luật về đăng ký kinh doanh theo Luật doanh nghiệp từ thực tiễn tỉnh Hưng Yên, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội

23. Đào Thị Tuyết Mai (2016), Trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo Luật doanh nghiệp 2014 từ thực tiễn thành phố Hà Nội, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội

24. Nguyễn Thị Nga - Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh (01/06/2019), Tình hình và giải pháp đầu tư trong các khu công nghiệp tập trung, <http://bacninh.gov.vn/news>

25. Nguyễn Thị Nga (7/12/2020), Thành phố Bắc Ninh - những thành tựu nổi bật, <http://tpbacninh.bacninh.gov.vn/nhung-thanh-tuu-noi-bat-cua-tp-bac-ninh>

26. Đinh Thị Kim Oanh (2021), Đăng ký thành lập công ty Cổ phần theo Luật Doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hà Nội., Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.